

GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG Ở LÀNG XÃ CỔ TRUYỀN VÙNG BẮC KÌ QUA MỘT SỐ HƯƠNG ƯỚC THỜI CẬN ĐẠI

TRỊNH THỊ HƯỜNG*

Ngày nhận bài: 17/08/2017; ngày sửa chữa: 18/08/2017; ngày duyệt đăng: 22/08/2017.

Abstract: In former Vietnamese society, there was an education that did not go through the organization of the school, which was passed down from one generation to another through traditional village education. The main goal of village tradition education is to educate personality, to train people, to preserve and promote the cultural identity of their homeland, country and people. This article mentions education in the traditional village of Tonkin through a number of village conventions in modern time, most of which were recorded in the late nineteenth and early twentieth centuries through copies, or village declarations according to Colonialism and customary practices were recorded, or were prevalent in pre-1945 villages.

Keywords: Education village, Tonkin, the modern time.

1. Đặt vấn đề

Dưới thời phong kiến, nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền đặc biệt chú trọng đến việc phát triển nền giáo dục quốc gia. Ngay từ thời nhà Lý, nhà nước phong kiến đã cho dựng Văn Miếu - Quốc Tử Giám và mở khoa thi “Minh kinh bác học” để đào tạo và tuyển chọn nhân tài. Với việc làm đó, vương triều nhà Lý đã mở đường cho nền giáo dục khoa cử với nội dung Nho học và nền giáo dục này từng bước chiếm giữ vị trí chính thống trong xã hội phong kiến. Tuy nhiên, nền giáo dục Nho học của nhà nước phong kiến mới chỉ quan tâm và tổ chức ở đơn vị hành chính lớn (cấp huyện, tỉnh, trung ương) mà chưa “vớ tay” tới làng xã, mặc dù giáo dục ở các làng xã giữ một vai trò rất quan trọng, góp phần đào tạo nhân tài cho đất nước. Các kì “thi Hương”, “thi Hội”, “thi Đình” được tổ chức, phần lớn “sĩ tử” đều xuất thân từ các làng quê: “Chính làng xã đảm trách việc giáo dục trẻ em. Họ duy trì những ngôi trường học khiêm tốn, ở đó người ta dạy những kiến thức sơ đẳng, mà chương trình dạy thi giống nhau” [1; tr 143]. Đó là nền giáo dục truyền thống, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn cuộc sống của tầng lớp nhân dân lao động, từ truyền thống cần cù, hiếu học, yêu quê hương, đất nước. Thông qua việc nghiên cứu, tìm hiểu một số Hương ước thời cận đại, bài viết này đề cập việc giáo dục truyền thống ở làng xã cổ truyền Bắc Kỳ, qua đó, góp phần giáo dục niềm tự hào dân tộc, tình yêu quê hương, đất nước cho thế hệ trẻ trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Vài nét về giáo dục Nho học thời phong kiến. Thời phong kiến, nhà nước không đặt hệ thống tổ chức trường lớp ở cấp làng xã, cho đến tận thời Nguyễn, cũng chỉ có trường học ở cấp huyện do chức Giáo thụ, Huấn đạo chuyên trách (trường huyện) và ở

cấp tỉnh do Đốc học điều khiển (trường tỉnh). Riêng về bậc “ấu học” hay còn gọi là “sơ học”, nhà nước phong kiến không tổ chức và quản lí mà là sự phát triển “tự nhiên”, “tất yếu” trong nhân dân, đó là đặc điểm của tổ chức giáo dục phong kiến ở Việt Nam. Cho đến thời cận đại, khó có thể tìm thấy một số liệu cụ thể về việc tổ chức học hành và sĩ số của các cơ sở giáo dục sơ học tự do mở ở làng xã. Tuy nhiên, qua những bản Hương ước, và một số công trình nghiên cứu của người Pháp đã cho ta hình dung được tình hình giáo dục phong kiến vào những năm cuối thế kỉ XIX đầu XX ở làng xã Bắc Kỳ.

Các trường tư, các lớp học gia đình rải rác khắp vùng nông thôn do đội ngũ “thầy đồ” bao gồm “hưu quan”, nho sĩ đỗ đạt nhưng không hợp tác với chính quyền thực dân, phong kiến mà ở nhà mở trường dạy học, hoặc chưa đủ tiêu chuẩn ra làm quan (chỉ đỗ tú tài), nhà nho ẩn dật, phụ trách. Họ có thể tổ chức lớp học ngay tại địa phương, ở một làng xã khác, hoặc có thể dạy học tại nhà hay trong một gia đình khá giả có khả năng nuôi thầy dạy học. Trong bản *Hương ước làng Trà Tu* của tỉnh Ninh Bình được lập năm 1892, có quy định: “Áp ta vốn có truyền thống khoa mục hơn đời. Học điền đã được lập từ xa xưa... nay xã quyết định đặt hai mẫu học điền. Gia đình nào có khả năng mời thầy đến dạy học thì được canh tác số ruộng này để lấy tiền đền sách như là một sự trợ giúp của xã vậy... Thành tựu của nhân tài phụ thuộc nhiều vào thầy dạy” [2; tr 567].

Trong thực tế, nhiều người đỗ đạt cao lại là học sinh của trường làng do một bậc đại nho, một người có chân khoa bảng, đỗ đạt cao mở lớp tại làng xã. Làng xã tạo điều kiện động viên, khuyến khích học,

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

đón rước người đỗ đạt “*vinh quy bái tổ*”. Làng xã nào có thầy danh tiếng mở trường nhiều người đến học và đỗ đạt được gọi là nơi có “*đất học*”. Giáo dục phong kiến tự do mở ở làng xã chính là nơi tập hợp và đào tạo trí thức phong kiến, đội ngũ các văn thân mà thực dân Pháp sợ hãi tìm mọi cách kiểm soát, hạn chế đi đến tuyên bố thủ tiêu. Đó là những nét khá điển hình về tình hình của giáo dục phong kiến ở làng xã trước khi thực dân Pháp bãi bỏ khoa cử phong kiến vào những khoa thi Hương cuối cùng 1918-1919.

2.2. Giáo dục truyền thống làng xã cổ truyền ở Bắc Kỳ qua Hương ước:

2.2.1. Về chương trình học: Trong các bản Hương ước không ghi cụ thể về chương trình học và dạy học, nhưng qua chính sử của triều Nguyễn có chép về việc nhà nước cho định phép học. Năm Mậu Dần - Tự Đức thứ 31 (1878), nhà Nguyễn cho định rõ phép học, phép thi: “*Học phải cốt ở hạnh thực, văn bài phải cốt ở chính kinh, truyện, sử... sức cho các xã, thôn kê khai bao nhiêu người đi thi, ngày thường có hiếu thuận, ngay thẳng, cẩn thận không? và ông cha ba đời có can liên án kiện không? hương lí, thân thuộc kí tên*” [3; tr 441]. Nói về việc dạy và thi: “*Các xã thôn nên trù tính cách thức để trẻ em được tới trường... Quy thức dạy chữ Hán thì dùng chữ thường dùng và những câu danh ngôn nghĩa lí xưa nay cùng những sử truyện địa đồ, chính trị An Nam cần thiết*” [4; tr 447].

Những cuốn sách dạy cho trẻ em các làng xã là những quyển chữ Hán khác nhau, từ thấp lên cao, từ đơn giản, dễ đến khó hơn và phức tạp hơn. Khi tới xâm lược và cai trị nước ta, thực dân Pháp đã phải kinh ngạc và trầm trồ “*khen ngợi*”, khi nói về các trường làng và chương trình cũng như sách để dạy cho trẻ em ở đó: “*Trong các trường làng, người ta dạy các chữ cơ bản. Những quyển sách tập đọc mà họ trao vào tay lũ trẻ thì đúng là những tiểu kiệt tác thực sự, trong đó thể hiện tinh thần đạo đức của Khổng Tử với một ngôn ngữ đơn giản và đẹp, khắc ghi vào trí óc trẻ thơ. Ta chuyển từ quyển thứ nhất, hết sức đơn giản, hết sức cơ bản, dạy cho ta những phép tắc lễ nghĩa đầu tiên, lên đến quyển thứ hai là những vấn đề rộng hơn, sau đó lên quyển ba và cứ tiếp tục như thế... Đa phần các trường làng thấy rằng dạy chừng từ bốn đến năm quyển là đủ. Bọn trẻ học ở đó, cùng với một lượng chữ đủ để viết và trao đổi trong những tình huống đơn giản mà họ gặp nhau, những nguyên tắc đạo đức và những quy định ứng xử sẽ theo họ trong suốt cuộc đời*” [1; tr 144-145].

Trong phạm vi làng xã, giáo dục phong kiến đã khá phổ cập, phổ cập đến mức chữ Hán trở thành văn tự chính thống chẳng những trong công văn giấy tờ

hành chính mà cả trong một số mặt sinh hoạt văn hóa xã hội của làng xã... Trước khi có Hương ước cải lương do thực dân Pháp ban hành, từ năm 1897-1902, khi làm Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer đã viết: “*Ở đó, trẻ em học chữ Hán, loại chữ này cũng là chữ viết của dân An Nam, chỉ thêm thắt những nét phụ ít quan trọng, giống các thứ chữ thuộc hệ chữ Trung Quốc, như chữ Nhật Bản, chữ Triều Tiên... các chữ mà ta cần phải biết lên tới hàng nghìn, và cả một đời người chỉ lao vào học chúng. Hành trang của một nhà nho thực sự là hai hũng vì nặng và công kênh*” [1; tr 143-144].

Giáo dục làng xã thời cận đại chịu sự tác động của ba nền giáo dục: giáo dục phong kiến, giáo dục thực dân và giáo dục truyền thống. Tuy không đồng nhất về vị trí và vai trò trong đời sống xã hội làng xã, nhưng cả 3 nền giáo dục đó đều tác động đến làng xã và để lại những nét đặc biệt trong làng xã thời cận đại.

2.2.2. Về giáo dục làng xã qua Hương ước: Giáo dục truyền thống ở các làng xã cổ truyền giữ một vai trò quan trọng, nếu không muốn nói là chủ yếu trong việc rèn luyện nhân cách, duy trì bản sắc tốt đẹp, bền vững của dân tộc. Tục lệ làng xã cổ truyền đòi hỏi và giáo dục mọi người phải quan tâm, tương trợ, đùm bọc, che chở cho nhau. Tinh thần đó được quy định trong khoán ước, điều lệ làng xã.

Qua khảo sát Hương ước của tỉnh Thái Bình cho thấy những hình thức khuyến học phổ biến ở các làng xã là dành ruộng học điền (hầu như có ở khắp nơi) để chăm lo sự học. Nhiều làng còn có hình thức trợ cấp giấy bút cho con em nhà nghèo theo học. Xếp ngôi thứ cho những người đỗ đạt, khen thưởng đối với những người có công nuôi dưỡng. Ngoài ra, truyền thống hiếu học và trọng học, làng xã vẫn dành cho việc học chữ nho một số quyền lợi như: quỹ khuyến học, học trò được miễn sưu sai tạp dịch... Trên thực tế nhiều người đỗ đạt cao lại là học sinh của trường làng do một bậc “*đại nho*”, một người có chân khoa bảng mở lớp tại làng xã. Làng xã tạo điều kiện động viên, khuyến khích học chữ nho; làng xã tổ chức đón rước người đỗ đạt “*vinh quy bái tổ*”. Làng xã nào có thầy danh tiếng mở trường nhiều người đến học và đỗ đạt được gọi là nơi có “*đất học*”. Cái gốc của giáo dục phong kiến tự do mở ở làng xã chính là nơi tập hợp và đào tạo trí thức phong kiến, đội ngũ các văn thân mà thực dân Pháp sợ hãi tìm mọi cách kiểm soát, hạn chế đi đến tuyên bố thủ tiêu. Đó là tình hình của giáo dục phong kiến ở làng xã trước khi bãi bỏ.

Ngoài ra, trong Hương ước cũng quy định việc xây dựng trường học, mời thầy về dạy, bố mẹ, những người có trách nhiệm phải khuyên bảo cho con em đi

học, đến trường. *Hương ước xã Hưng Quan*, của tỉnh Thái Bình có quy định tại chương XII: “*làng khi nào đủ tiền thì xây dựng nhà trường, nuôi thầy giáo để con trẻ đến học...*” [5; tr 86]; *Hương ước của làng Tô Xuyên*, huyện Phụ Dực (Thái Bình), quy định: “*Trong thôn hương lí cần phải khuyên bảo cho dân làng nhà ai có con phải cho đi học... cấm không được để cho trẻ em lêu lổng*” [5; tr 87].

Bắc Ninh đã nổi tiếng là vùng đất truyền thống hiếu học, khoa bảng, vì vậy việc học rất được khuyến khích. Một số làng như Thân Thượng, Xuân Cầu, Bát Tràng, An Đông quy định cha mẹ nên cho con đi học để con cháu biết luân thường đạo nghĩa. Các làng đều thống nhất hàng năm làm sổ dự toán thu chi sẽ trích một số tiền nhất định để chi dùng việc học bao gồm tiền trả hương sư và tiền trợ cấp cho những học trò nghèo hay những học trò học hành tấn tới.

Trong các làng xã của huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, khuyến học cũng là một trong những nội dung Hương ước đề cập đặc biệt là đối với các làng có truyền thống học hành, thi cử. Nội dung trong nhiều bản Hương ước của huyện Văn Lâm rất coi trọng việc học và khuyến khích những người theo con đường văn chương khoa cử. Như quy định chính sách ưu tiên, giúp đỡ, hỗ trợ, như: tặc lệ hai thôn Đông Cầu, Đại Bi của xã Đại Đồng ghi danh sách những người góp tiền, ruộng chu cấp cho người đi học. Người có học, đỗ đạt trong các kì khoa cử được dân làng trọng vọng.

Sang thời thuộc Pháp, sau khi chiếm và bình định xong toàn cõi Đông Dương, thực dân Pháp tiến hành cải cách giáo dục, nhằm hai mục đích là loại trừ chữ Nho (Nho giáo) gắn liền với người sĩ phu đang có ảnh hưởng lớn trong phong trào chống thực dân Pháp và tuyên truyền văn hóa, văn minh Pháp, đào tạo tay sai bản xứ. Sự can thiệp của thực dân Pháp vào giáo dục ở làng xã không dễ dàng. Sau 3 năm tiến hành cải cách giáo dục, Toàn quyền Đông Dương Klôbuycốpski phải thú nhận: “*Ở Trung và Bắc Kỳ sự can thiệp của chúng ta rất khó khăn... trong các tỉnh của vương quốc An Nam cũ đã có một tổ chức (giáo dục) rất xưa cũ do tầng lớp văn thân điều khiển tỏ ra chống lại ý đồ của chúng ta*” [6]. Mọi mưu toan lợi dụng giáo dục khoa cử phong kiến, tiến hành cải cách nhằm phục vụ cho lợi ích của chính quyền thực dân đều bị thất bại. Sau một thời gian chuẩn bị chính quyền thuộc địa quyết định bãi bỏ hoàn toàn khoa cử phong kiến. Khoa thi Hương cuối cùng ở Bắc Kỳ vào năm 1915 và ở Trung kỳ vào năm 1918. Trước đó, ngày 21/12/1917, Toàn quyền Anbe Xarô (Albert Sarraut) đã ban hành “*Bộ học chính tổng quy*” nhằm quyết tâm xóa bỏ hệ thống giáo dục truyền thống của Việt Nam.

Tháng 6/1919 một đạo Dụ của vua Khải Định tuyên bố bãi bỏ hoàn toàn các trường học chữ Nho, thay thế bằng một hệ thống trường Pháp - Việt. Sự kiện này đặt dấu mốc chấm dứt cho nền giáo dục khoa cử phong kiến suốt gần ngàn năm (1075-1919).

Chưa dừng lại ở đó, thực dân Pháp còn tiến hành “*Cải lương hương chính*” ở chốn hương thôn. Nhằm cắt đứt nền giáo dục truyền thống ở làng xã, nguồn gốc việc sản sinh ra một tầng lớp “*kẻ sĩ*” vẫn ngự trị trong làng xã, thay thế vào đó bằng một đội ngũ “*tân học*” ở nông thôn. Đồng thời nắm quyền duyệt *Hương ước* - bộ luật riêng của làng xã, thường được gọi là *Hương ước cải lương hương chính*. Theo Quy chế của “*Cải lương Hương chính*”, các làng xã phải đưa những quy định về tổ chức bộ máy quản lí làng xã vào *Hương ước* của làng và cùng với phần phong tục gửi lên chính quyền cấp tỉnh phê duyệt.

Theo Nghị định ngày 12/8/1921 của Thống sứ Bắc Kỳ, mục đích của cuộc *Cải lương Hương chính* là loại bỏ bộ máy quản lí làng xã phong kiến cổ truyền, tạo dựng một bộ máy quản lí mới đáp ứng yêu cầu cai trị của chính quyền thực dân. Thực dân Pháp ban hành các bản mẫu *Hương ước*, qua ba đợt *Cải lương hương chính* (đợt 2: 1927-1941; đợt 3: từ năm 1942 về sau) về cơ bản là thống nhất với nhau. Theo bản mẫu *Bắc Kỳ tặc lệ* do chính quyền thuộc địa soạn sẵn cho các làng xã (bản mẫu bằng tiếng Pháp, chữ Quốc ngữ và chữ Hán), do vậy về cơ bản *Hương ước* của các làng xã Bắc Kỳ từ sau năm 1921 các điều mục giống nhau và có mục riêng về “*Sự học hành và giáo dục*”, như: *Bốn phận cha mẹ phải cho con đi học... làng có đủ tiền làm trường cho trẻ con đến học* (Điều 65); *Tiền chi phí về việc học và cấp lương cho thầy giáo sẽ lấy tiền công của dân* (Điều 66); *Khi trường đã làm xong rồi thời ở sổ chi thu phải để phòng ra một món tiền để mua sách vở giấy bút cho những con nhà nghèo* (Điều 68)” [7; tr 38].

Trong bản *hương ước* soạn theo chính sách *Cải lương Hương chính* của chính quyền thuộc địa năm 1921, bản *Hương ước xã Đại Hữu* (Thái Bình), soạn năm 1924, là bản *Hương ước* khá đầy đủ và tiêu biểu, được in ấn khá cẩn thận, mà không phải bản chép tay thường thấy, trong số 25 chương với 173 điều quy định, đã dành trọn Chương II, quy định về việc học, trong đó quy định khá cụ thể về khuyến học: “*Nghĩa vụ của cha mẹ phải cho con đi học, ai có con từ 8 tuổi trở lên nếu không được học phổ thông cũng phải học chữ Quốc ngữ cho am hiểu. Người nào nghèo túng mà hiếu học thì làng sẽ cấp giấy bút cho. Ai có con đến tuổi ấy không cho đi học phải phạt...* (Điều thứ 1); *Trong làng ai chuyên cần việc học thì tạp dịch trong*

làng sẽ được miễn (Điều thứ 2); Trong làng nếu ai đỗ bằng Cao đẳng, Trung đẳng và Sơ đẳng, tốt nghiệp được thăng thưởng phẩm hàm... ” [9; tr 4-5].

Như vậy, cùng với các biện pháp “*Cải lương hương chính*”, là “*Cải lương hương tục*”, giáo dục thực dân đã tác động đến bộ mặt làng xã nhưng chưa đủ để thay đổi bản chất của làng xã. Bởi “người An Nam rất hiếu học”. Trong các tầng lớp xã hội, người sĩ phu chiếm địa vị hàng đầu, có con học giỏi là một vinh hạnh cho cha mẹ. Cho nên, dù có nghèo đói đến đâu, cha mẹ cũng cố tìm cách cho con cái được học hành. “*Nửa bụng chữ bằng một hũ vàng*” là một câu tục ngữ biểu hiện nhiệt tình ham muốn có học thức của dân tộc An Nam” [8; tr 423], “*Dù có nghèo đến đâu, nho sĩ cũng không đụng tay vào bất kì việc gì; phẩm hạnh của ông ta không cho phép làm những việc đơ*” [1; tr 138].

3. Kết luận

Trong suốt chiều dài dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, làng xã đóng góp một vị trí đặc biệt quan trọng trong việc lưu giữ và phát huy những bản sắc truyền thống. Lịch sử của dân tộc Việt nam là lịch sử của quá trình “dựng nước” đi đôi với “giữ nước”, có những lúc đất nước bị ngoại xâm thống trị, độc lập dân tộc không còn, các thế lực ngoại xâm tìm mọi cách để đồng hóa dân tộc ta về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, “nước mất” nhưng “làng xã vẫn còn”, chính quần chúng nhân dân, tầng lớp bình dân lao động sống trong các làng xã cổ truyền là nhân tố gìn giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống, là gốc rễ, là cội nguồn của sức mạnh dân tộc, là lực lượng quan trọng đứng lên đấu tranh để giành lại độc lập tự do cho non sông đất nước. Vì vậy, việc tìm hiểu, nghiên cứu những giá trị văn hóa truyền thống nói chung, nên giáo dục truyền thống ở các làng xã cổ truyền nói riêng, từ đó giáo dục những giá trị tốt đẹp của dân tộc cho thế hệ trẻ hôm nay là một việc làm có ý nghĩa to lớn và cần thiết, đặc biệt là trong bối cảnh “quốc tế hóa”, “toàn cầu hóa” với sự đan xen của nhiều luồng văn hóa khác nhau trên thế giới thì việc tìm hiểu và giáo dục cho thế hệ trẻ những giá trị văn hóa “cội nguồn” lại càng quan trọng và cấp thiết. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Paul Doumer (1905). *Indo-Chine française, souvenirs* (Xứ Đông Dương, kí ức), Paris, Vuibert et Nony.
- [2] Đinh Khắc Thuân (chủ biên, 2006). *Tục lệ cổ truyền làng xã Việt Nam*. NXB Khoa học xã hội.
- [3] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục* (tập 8). NXB Giáo dục.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn (2011). *Đại Nam thực lục chính biên đệ lục kỉ phụ biên*. NXB Văn hóa - Văn nghệ.

[5] Nguyễn Thanh (2000). *Hương ước Thái Bình*. NXB Văn hóa dân tộc.

[6] *Hương ước thôn Đạm, xã Tô Xuyên, tổng Tô Xuyên, huyện Phú Dục, tỉnh Thái Bình*. Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội, Kí hiệu HU 3054.

[7] Bắc Kì bảo hộ (1924). *Tục lệ*. Nghiêm Hàm xuất bản.

[8] *Hồ Chí Minh toàn tập* (tập 1, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[9] *Hương ước xã Đại Hữu, tổng Tân Định, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình*. Kí hiệu: HU 3204. Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội.

Quy trình tổ chức trải nghiệm...

(Tiếp theo trang 289)

- **Bước 4: Ứng dụng:** HV sử dụng những kĩ năng, hiểu biết mới vào cuộc sống thực tế của mình. HV trực tiếp áp dụng những điều học được vào tình huống tương tự hoặc các tình huống khác - thực hành. GV yêu cầu HV vận dụng nguyên tắc tổng quát được rút ra từ chính trải nghiệm nghề nghiệp của bản thân vào những tình huống mới trong thực tiễn nghề nghiệp sư phạm.

2.3. Giai đoạn kết thúc. Kết thúc luyện tập, GV giao nhiệm vụ để HV tiếp tục luyện tập trong thời gian ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, gồm cả việc suy ngẫm về giá trị mới hình thành và sử dụng giá trị đó để đánh giá hành vi của đồng chí, đồng đội và của bản thân. Sau khi đánh giá về các nội dung THSP, GV giao cho HV viết thu hoạch về quá trình rèn luyện kĩ năng sư phạm đó để họ có thể sử dụng các GTNN mới hình thành vào việc đánh giá quá trình đó. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đinh Công Dũng (2014). *Bồi dưỡng giá trị nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên ở nhà trường quân sự*. Tạp chí Giáo dục, số tháng 12/2014, tr 27-32.
- [2] Nguyễn Hoàng Hải (2012). *Giáo dục giá trị nghề nghiệp cho sinh viên đại học ngành giáo dục tiểu học qua hoạt động thực hành nghiệp vụ sư phạm*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [3] Vũ Thị Yến Nhi (2015). *Trải nghiệm nghề nghiệp - con đường hình thành giá trị nghề nghiệp cho sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non*. Tạp chí Khoa học giáo dục, số 121, tr 31-34.
- [4] Phạm Minh Hạc (2001). *Về phát triển toàn diện con người thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Hồ Ngọc Đại (2014). *Nghiệp vụ sư phạm*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Phan Trọng Ngọ (2005). *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.